

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Du lịch Dầu khí Phương Đông

Ngày	5,200 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	6.1%	2.0%	-7.1%

DT thuần	Q4/24
10.8	tỷ VNĐ
YoY: ▼0.70 -6.5%	

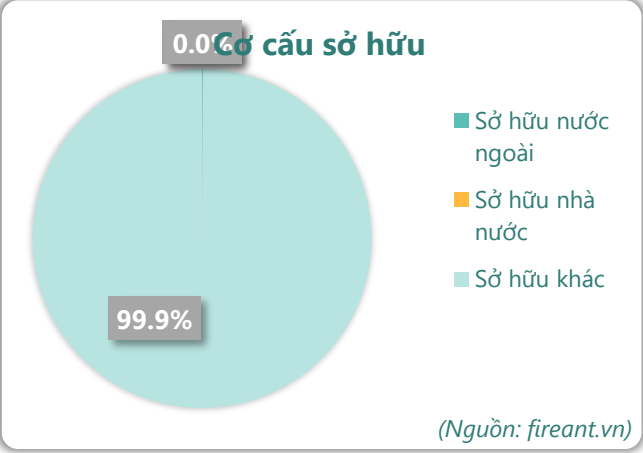
LN thuần	Q4/24
-1.30	tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.52 -159%	
YoY: ▼1.70 -425%	

LN sau thuế	Q4/24
-1.30	tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.50 -159%	
YoY: ▼1.90 -317%	

Tỷ suất lãi EBIT	2024
9.1%	
YoY: +/-▼ 5.7%	

ROE	2024
3.0%	
YoY: +/-▼ 2.0%	

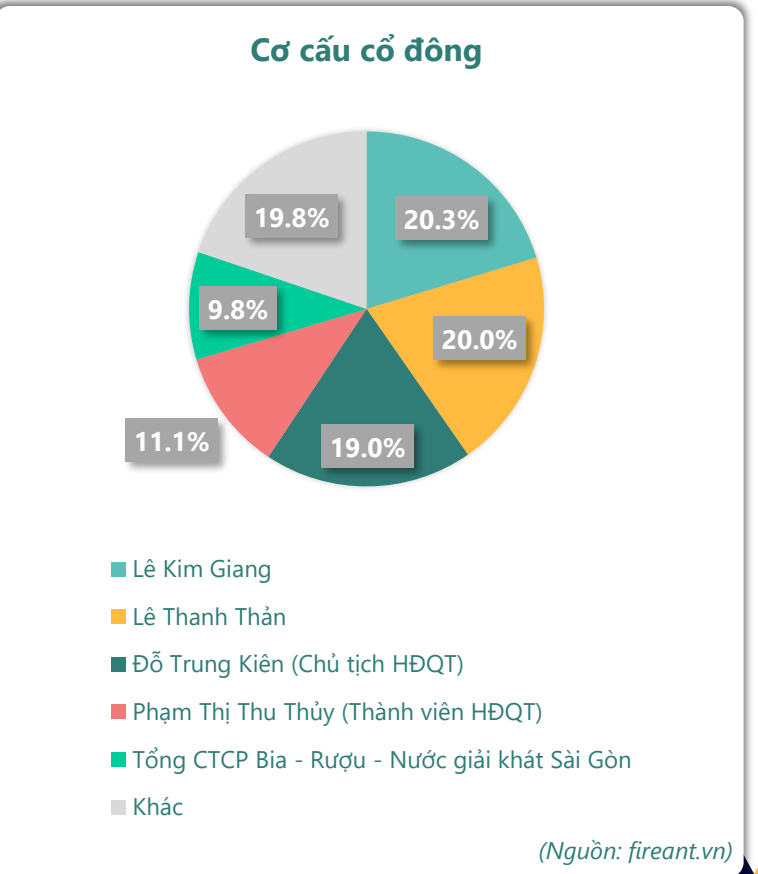
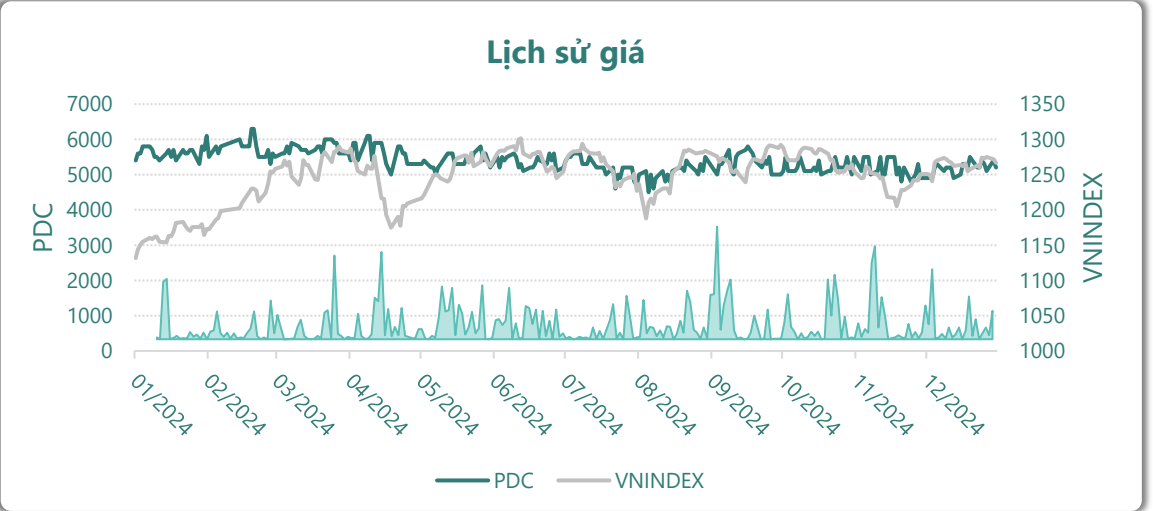
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	4,500 - 6,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	78
Số lượng CPLH (CP)	15,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,685
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	1.31
EPS	286
P/E	18.2



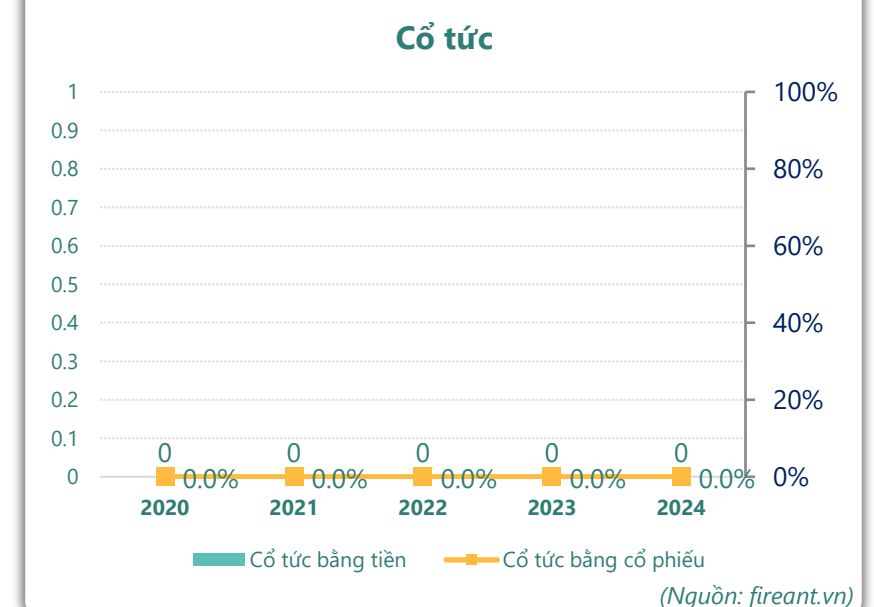
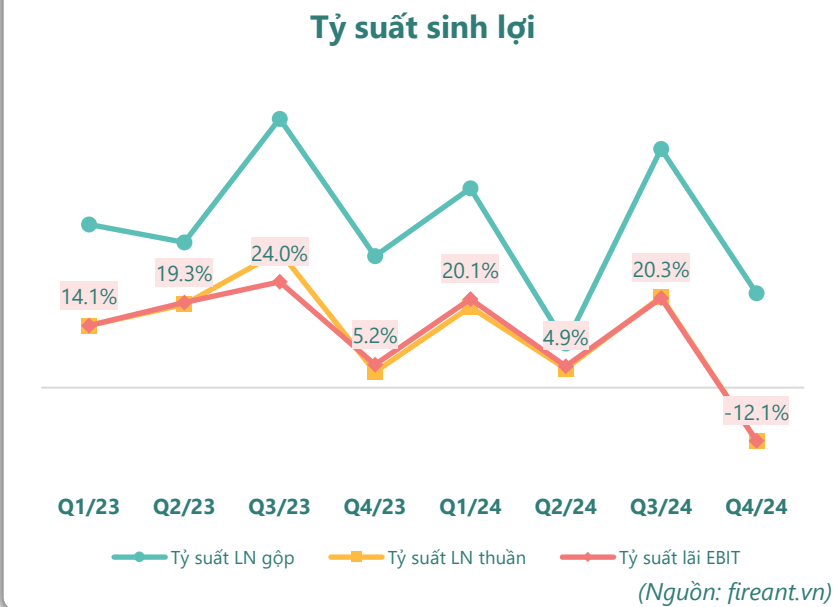
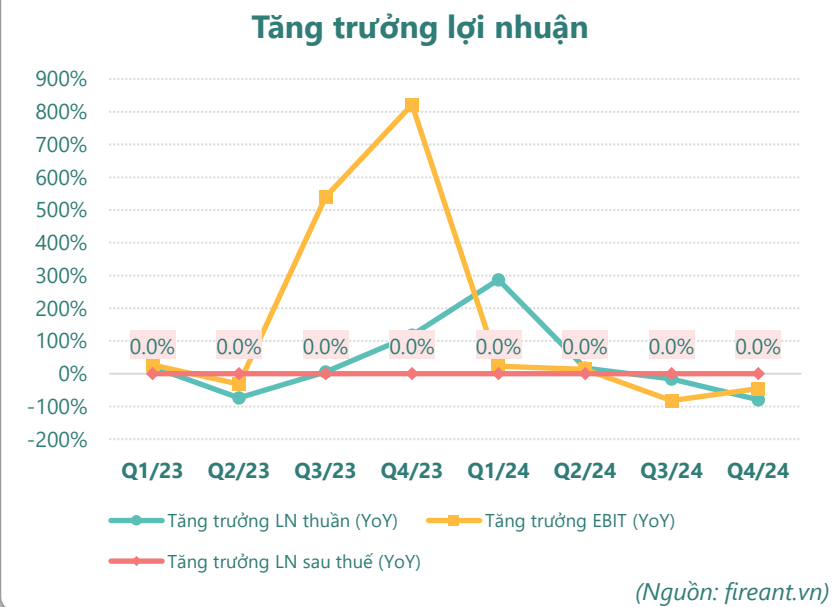
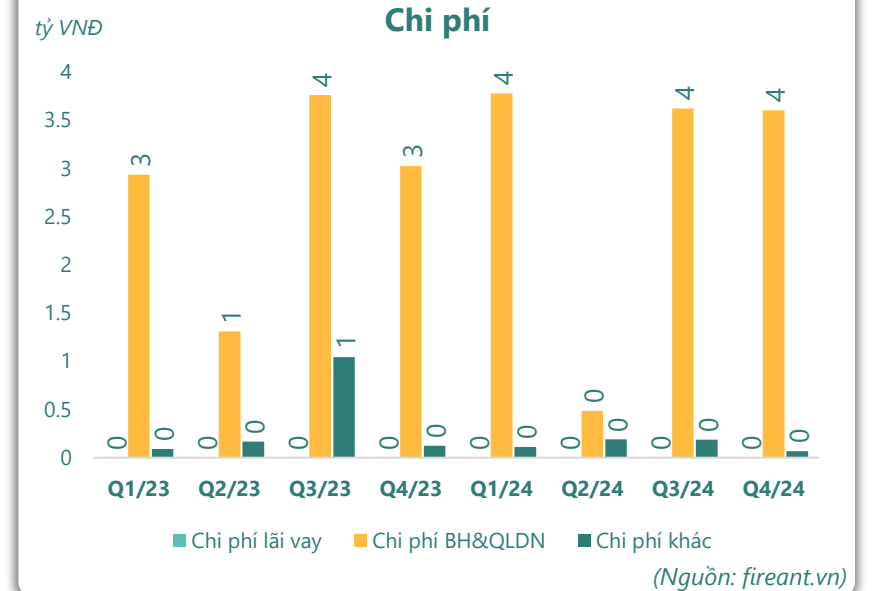
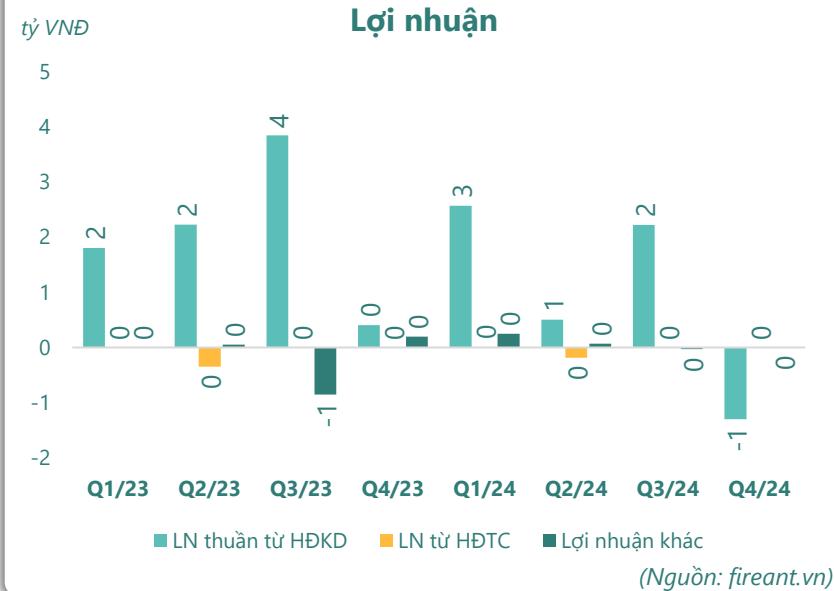
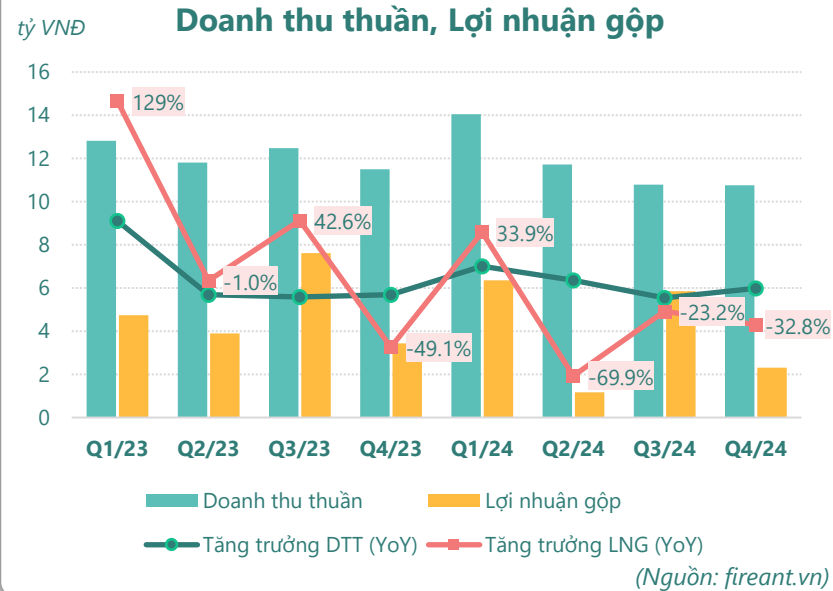
DT thuần	2024
47.3	tỷ VNĐ
YoY: ▼1.30 -2.6%	

LN thuần	2024
4.00	tỷ VNĐ
YoY: ▼3.78 -48.6%	

LN sau thuế	2024
4.29	tỷ VNĐ
YoY: ▼2.50 -36.9%	



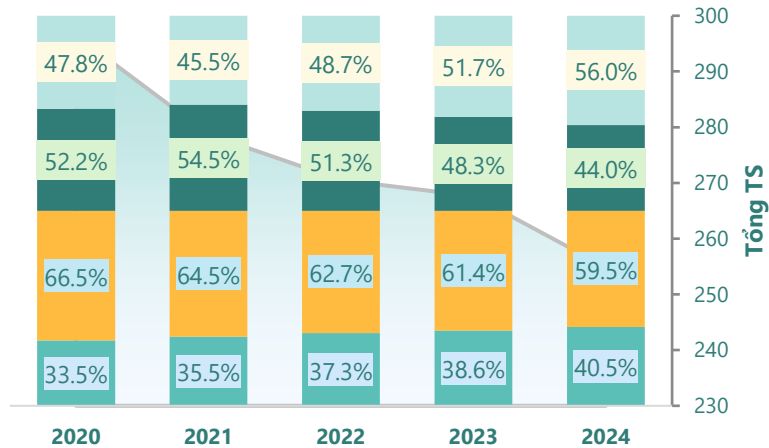
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

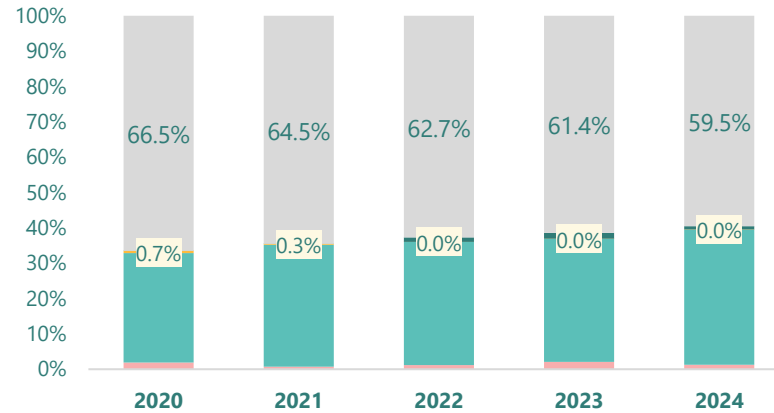
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

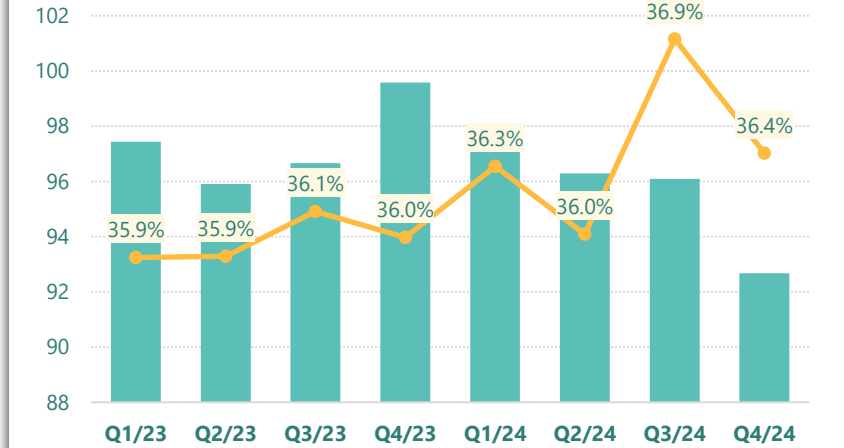


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

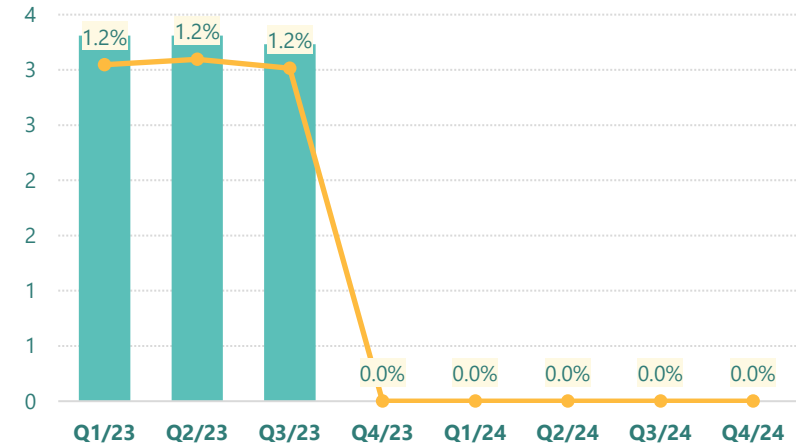


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

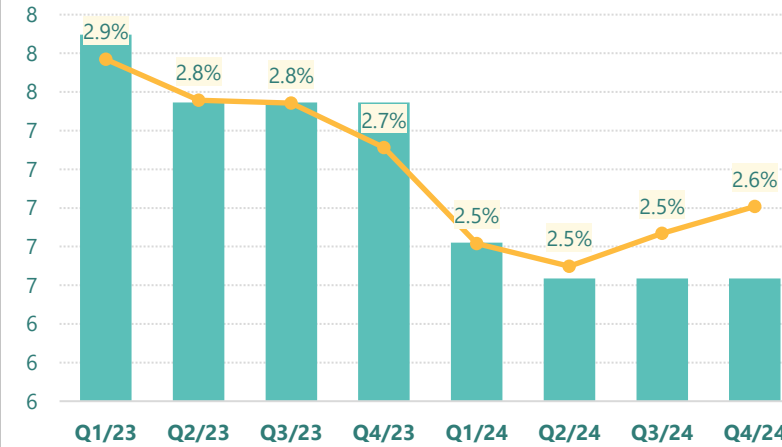


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

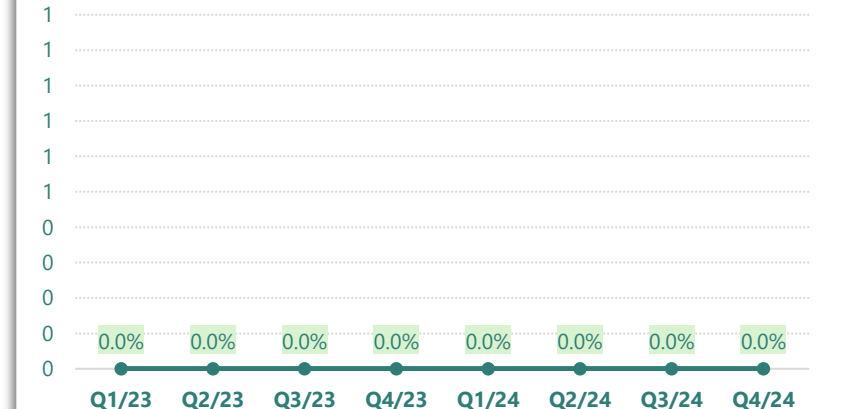


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ

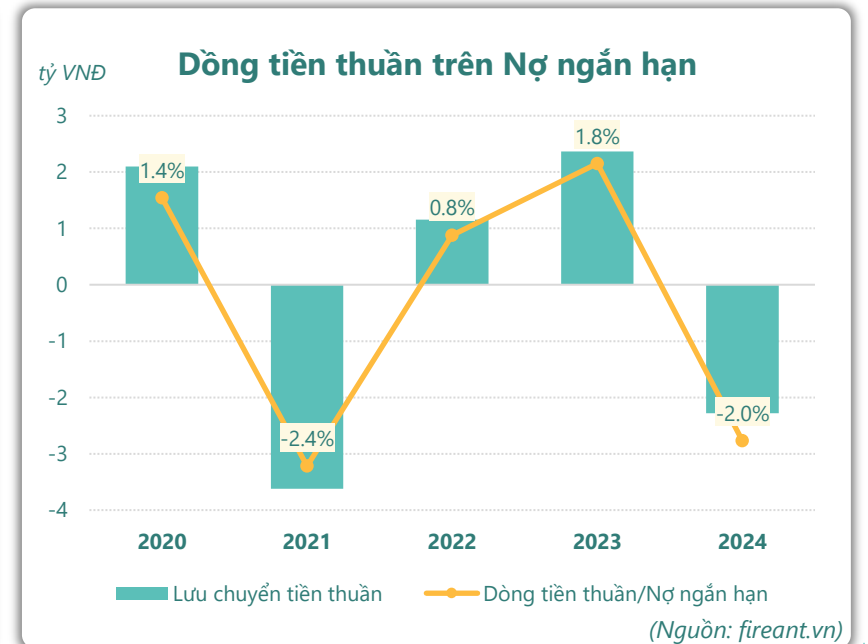
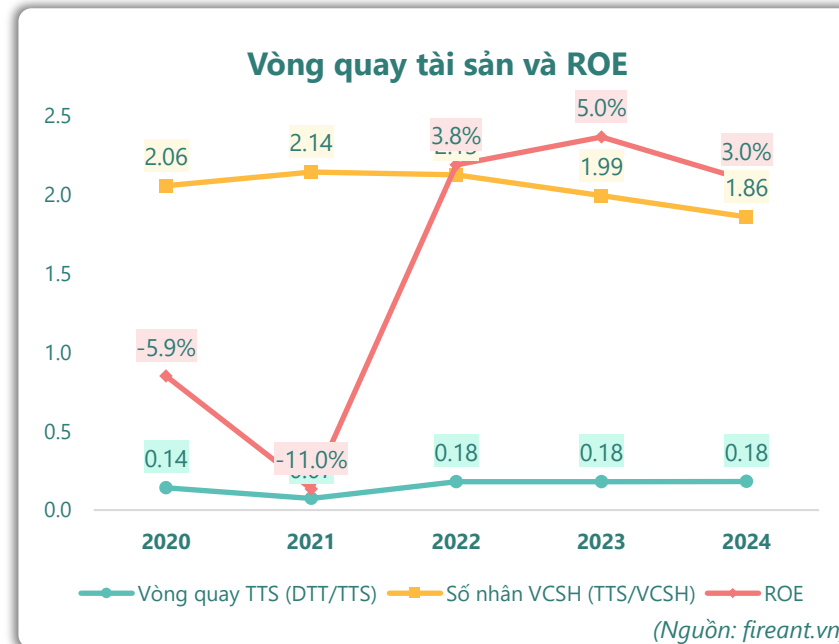
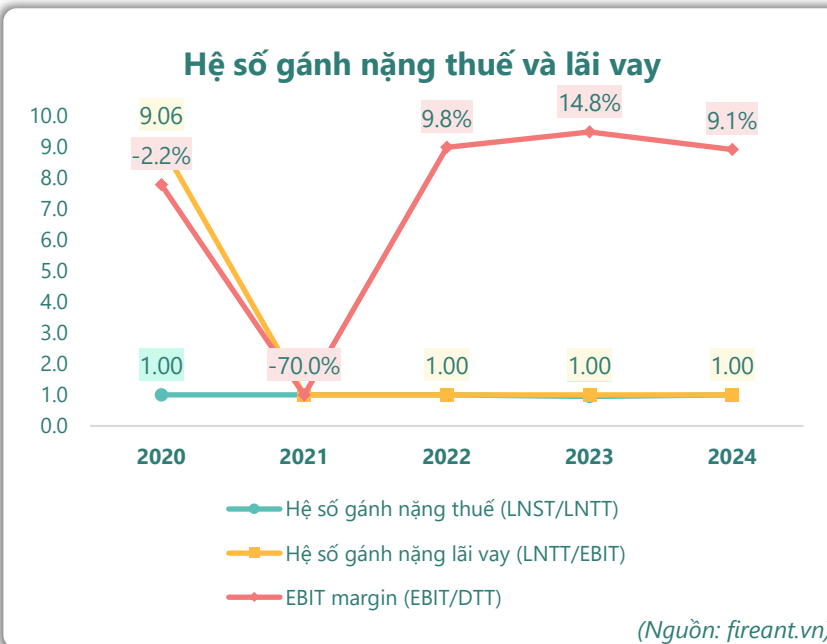
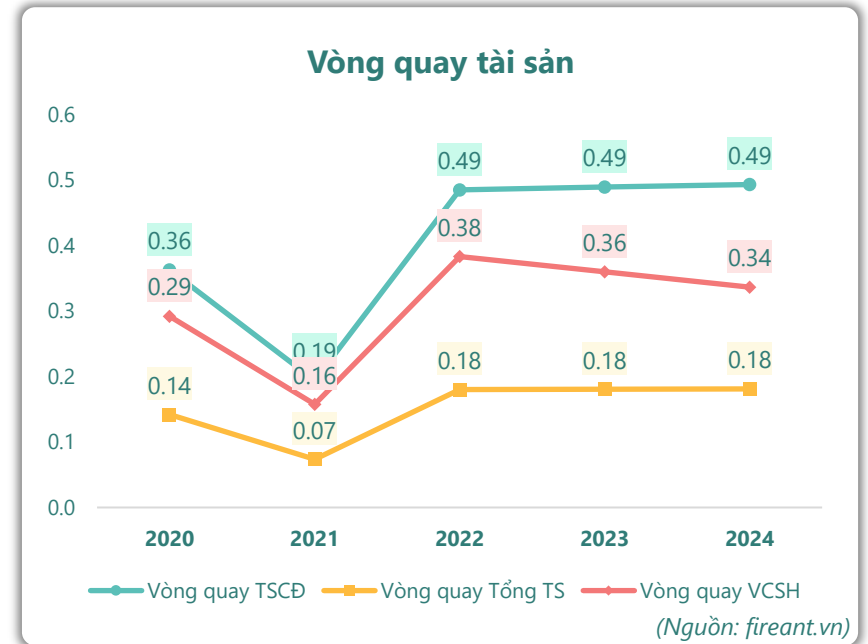
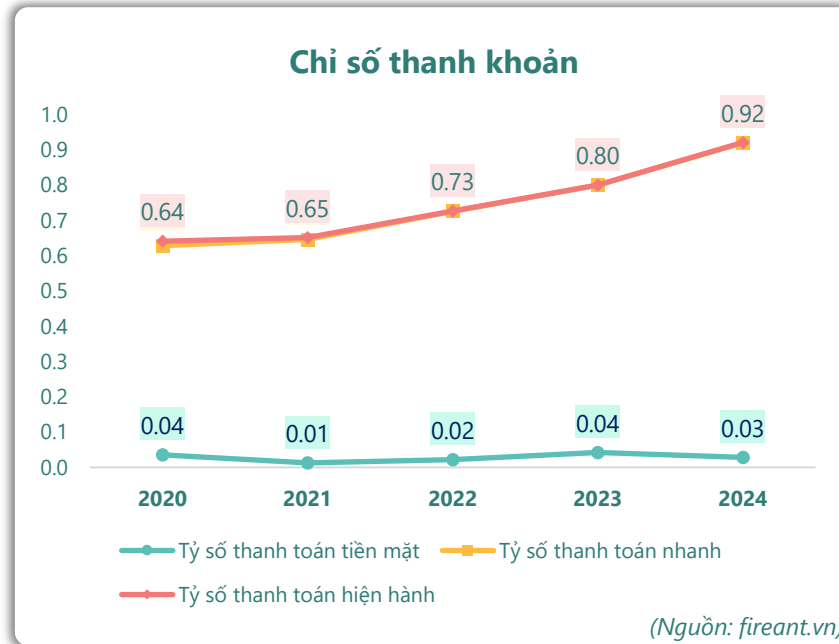
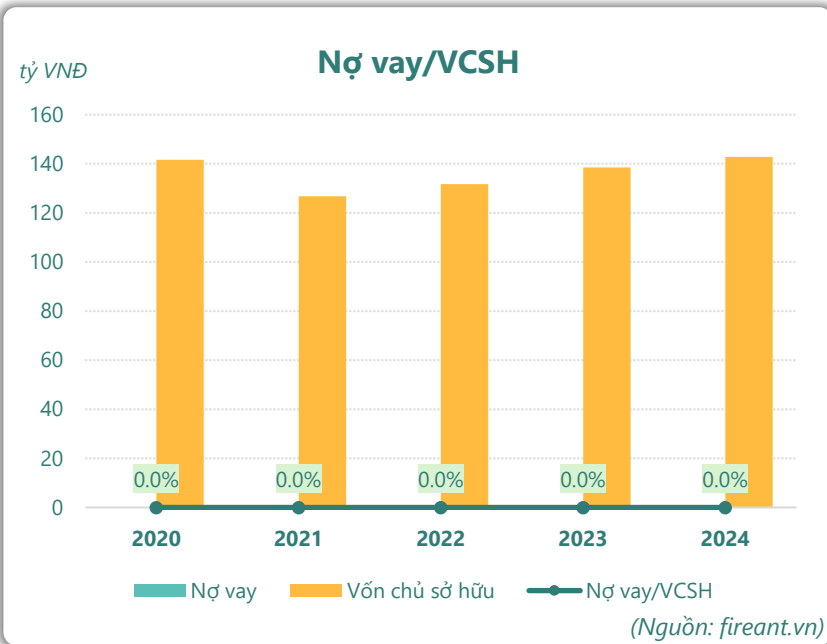


■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	10.8	11.5	-6.5%	47.3	48.6	-2.6%
Giá vốn hàng bán	8.45	8.06	4.9%	31.6	28.7	10.4%
Lợi nhuận gộp	2.30	3.43	-32.8%	15.7	19.9	-21.3%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.01	0.00	68.5%
Chi phí TC	0.00	0.00		0.19	1.08	-82.8%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.13	0.18	-29.2%	0.67	0.60	11.9%
Chi phí QLDN	3.48	2.85	22.0%	10.8	10.5	3.3%
LN thuần từ HĐKD	-1.30	0.40	-425%	4.00	7.78	-48.6%
Lợi nhuận khác	0.00	0.20	-101%	0.29	-0.61	147%
LN trước thuế	-1.30	0.60	-317%	4.29	7.17	-40.2%
Lợi nhuận sau thuế	-1.30	0.60	-317%	4.29	6.79	-36.9%
LNST của CĐ cty mẹ	-1.30	0.60	-317%	4.29	6.79	-36.9%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.37	11.1	2.60	-4.90	-0.71	0.04
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.67	-7.50	-0.63	0.04	1.29	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	2.90	1.85	5.46	7.43	2.57	3.14
Lưu chuyển tiền thuần	-1.04	3.60	1.97	-4.86	0.58	0.04
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.85	5.46	7.43	2.57	3.14	3.18

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	255	268	-4.8%
Tài sản ngắn hạn	103	103	-0.1%
Tiền và tương đương tiền	3.18	5.46	-41.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	97.6	93.4	4.6%
Hàng tồn kho	0.09	0.07	25.4%
Tài sản ngắn hạn khác	2.28	4.41	-48.3%
Tài sản dài hạn	152	164	-7.7%
Phải thu dài hạn	0.00	0.02	-88.1%
Tài sản cố định	92.7	99.2	-6.5%
Bất động sản đầu tư	42.6	45.8	-7.0%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	6.63	6.82	-2.7%
Tài sản dài hạn khác	9.80	12.5	-21.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	112	129	-13.2%
Nợ ngắn hạn	112	129	-13.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	109	126	-13.8%
Nợ dài hạn	0.16	0.15	6.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	143	138	3.1%
Vốn chủ sở hữu	143	138	3.1%
Vốn điều lệ	150	150	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

